

Bản án số: 74/2025/DS-ST

Ngày: 25/8/2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

2. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

- Thư ký phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRƯỜNG AN** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (MB)

Địa chỉ cũ: số A, L, phường T, quận C, TP ..

Địa chỉ mới: số 18, L, phường T, TP ..

Người đại diện hợp pháp:

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH Q1 và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q. (MBAMC)

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

+ Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hà Anh D: Ông Trần Văn T1. Chức vụ: Giám đốc MBAMC Chi nhánh T2.

+ Người đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Anh **Nguyễn Hoài N.** Chức vụ: Chuyên viên thu hồi lý nợ - MBAMC Chi nhánh T2. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trương Minh N1, sinh năm 1990 (Có mặt)

Chị Trần Thị Kiều Á, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ cũ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ mới: ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2025 và lời khai tại Tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, anh Nguyễn Hoài N trình bày:

Anh N1, chị Á đã vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần () Quân đội theo hợp đồng cho vay số 49649.22.970.23686826.TD ngày 23/11/2022; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0001.24.970.23686826.OL ngày 16/4/2024 và các khế ước nhận nợ như sau:

+ Hợp đồng số 49649.22.970.23686826.TD, số Khế ước LD2432030079, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, ngày nhận nợ 15/11/2024, ngày đến hạn 15/5/2025, số tiền phát vay 1.400.000.000 đồng, tổng số tiền giải ngân theo hợp đồng 1.400.000.000 đồng.

+ Hợp đồng số 0001.24.970.23686826.OL, số khế ước LD2505794160, mục đích vay tiêu dùng, ngày nhận nợ 16/4/2024, ngày đến hạn 16/4/2025, số tiền phát vay 31.000.000 đồng, tổng số tiền giải ngân theo hợp đồng 31.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của anh N1, chị Á là quyền sử dụng đất tại thửa 103, tờ bản đồ MDDC7, địa chỉ ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 911125, số vào sổ cấp GCN: CS05604 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14/10/2018 được ký kết tại Hợp đồng thế chấp số 68418.22.970.23686826.BĐ ngày 23/11/2022 do Phòng C, tỉnh Tiền Giang công chứng cùng ngày và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh N1, chị Á đã không thực hiện trả nợ như cam kết trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ bị quá hạn từ ngày 03/02/2025, cụ thể:

Đến ngày 17/4/2025, anh N1, chị Á đã trả được:

Hợp đồng số 49649.22.970.23686826.TD, số Khế ước LD2432030079, lãi đã trả 18.470.233 đồng, tổng số tiền thanh toán theo khế ước là 18.470.233 đồng.

Hợp đồng số 0001.24.970.23686826.OL, số Khế ước LD2505794160 chưa thanh toán.

Dư nợ tạm tính của anh N1, chị Á đến ngày 17/4/2025:

+ Hợp đồng số 49649.22.970.23686826.TD, số Khế ước LD2432030079, nợ gốc 1.400.000.000 đồng, nợ lãi 32.942.369 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 445.771 đồng, nợ lãi chậm trả 43.727.809 đồng, tổng dư nợ theo khế ước 1.433.388.140 đồng.

+ Hợp đồng số 0001.24.970.23686826.OL, số Khế ước LD2505794160, nợ gốc 41.741.052 đồng, nợ lãi 1.807.460 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 165.284 đồng, nợ lãi chậm trả 14.013 đồng, tổng dư nợ theo khế ước 43.727.809 đồng.

Tổng nợ gốc 1.441.741.052 đồng, nợ lãi 34.749.829 đồng, nợ lãi trên gốc quá hạn 165.284 đồng, nợ lãi chậm trả 459.784 đồng, tổng dư nợ theo khế ước 1.477.115.949 đồng.

Ngân hàng M yêu cầu anh N1, chị Á thanh toán số tiền 1.477.115.949 đồng (tạm tính đến ngày 17/4/2025), gồm:

Dư nợ Hợp đồng cho vay số 49649.22.970.23686826.TD ngày 23/11/2022 là 1.433.388.140 đồng (trong đó 1.400.000.000 đồng nợ gốc, 33.388.140 đồng nợ lãi);

Dư nợ Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0001.24.970.23686826.OL ngày 16/4/2024 là 43.727.809 đồng (trong đó 41.741.052 đồng nợ gốc và 1.986.757 đồng nợ lãi).

Buộc anh N1, chị Á thanh toán phần nợ lãi, nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thoả thuận tại Hợp đồng cho vay và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi vừa nêu trên kể từ ngày 18/4/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, anh N1, chị Á không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên, lãi phát sinh thì MB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho MB, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 103 như đã nêu.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh N1, chị Á đối với MB. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh N1, chị Á vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MB.

Theo tờ tự khai không đề ngày tháng năm và lời khai tại Toà, bị đơn anh Trương Minh N1, chị Trần Thị Kiều Á trình bày:

Thông nhất có vay số tiền 1.400.000.000 đồng theo các Hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q, có thế chấp giấy đất tại thửa 103 do 02 vợ chồng đứng tên. Anh chị thống nhất trả nợ cho Ngân hàng, nhưng xin đợi bán được đất sẽ trả đủ.

Tại phiên toà, Ngân hàng M yêu cầu anh N1, chị Á thanh toán số tiền vốn và lãi tổng cộng 1.554.770.990 đồng (tạm tính đến ngày 25/8/2025), gồm: Hợp đồng cho vay số 49649.22.970.23686826.TD ngày 23/11/2022, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0001.24.970.23686826.OL ngày 16/4/2024.

Buộc anh N1, chị Á thanh toán phần nợ lãi, nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thoả thuận tại Hợp đồng cho vay và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi vừa nêu trên kể từ ngày 26/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, anh N1, chị Á không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên, lãi phát sinh thì MB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của khoản vay nói trên để thu hồi nợ cho MB, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 103 như đã nêu.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh N1, chị Á đối với MB. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh N1, chị Á vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho MB.

Anh N1, chị Á thống nhất nợ và đồng ý trả, đối với số tiền 1.400.000.000 đồng xin chờ đến khi bán đất được sẽ trả trong hạn 02 năm; còn đối với phần thấu chi thì xin trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng - 2.000.000 đồng đến hết nợ, xin giảm lãi.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Bởi lẽ, bản thân bị đơn đã thừa nhận có ký kết các hợp đồng cho vay số 49649.22.970.23686826.TD ngày 23/11/2022; Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0001.24.970.23686826.OL ngày 16/4/2024 và các khế ước nhận nợ như đã nêu cụ thể tại phần nội dung vụ án với Ngân hàng M.

Bản thân bị đơn thống nhất trả số tiền nợ đã nêu trên cho Ngân hàng M, nhưng đưa ra ý kiến là đối với số tiền 1.400.000.000 đồng xin chờ đến khi bán đất được sẽ trả trong hạn 02 năm; còn đối với phần thấu chi thì xin trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng - 2.000.000 đồng đến hết nợ, xin giảm lãi. Ý kiến này không có cơ sở và không được phía nguyên đơn đồng ý.

Từ đó, xác định việc bị đơn có vay tiền và hiện còn thiếu nợ lại nguyên đơn là có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng MB buộc bị đơn anh N1, chị Á có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng M số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng và khoản thấu chi thẻ tín dụng là 51.805.052 đồng và cùng tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử là 102.965.938 đồng. Tổng cộng là 1.554.770.990 đồng.

[2] Về nghĩa vụ chậm thi hành án được ghi theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Ngân hàng M được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 68418.22.970.23686826.BĐ ngày 23/11/2022 do Phòng C, tỉnh Tiền Giang công chứng cùng ngày giữa Ngân hàng M với anh N1, chị Á trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật để thu hồi nợ nếu đến hạn trả tiền mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo đương sự không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Anh N1, chị Á phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[5] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7, khoản 17, khoản 21 Điều 4, Điều 11 Luật các tổ chức tín dụng; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q (MB).

Buộc anh Trương Minh N1, chị Trần Thị Kiều Á có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q (MB) số tiền nợ gốc 1.400.000.000 đồng và khoản thấu chi thẻ tín dụng là 51.805.052 đồng và cùng tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử (25/8/2025) là 102.965.938 đồng. Tổng cộng là 1.554.770.990 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Nếu đến hạn trả tiền mà anh N1, chị Á không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng M được quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 68418.22.970.23686826.BĐ ngày 23/11/2022 do Phòng C, tỉnh Tiền Giang công chứng cùng ngày giữa Ngân hàng M với anh N1, chị Á trong giai đoạn thi hành án theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

Về án phí:

Anh N1, chị Á phải liên đới chịu 58.643.129 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Q (MB) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.156.739 đồng theo biên lai thu số 0001954 ngày 26/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5-ĐT;
- P. THADS KV5-ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Hoàng Xuân Lam

